

Số: /BC-SYT

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý II năm 2023**

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ, quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **Phần 1**

### **BÁO CÁO**

#### **CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

##### **1. Thanh tra hành chính (số liệu tại các biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 02/QLNN)**

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ: 00;

Số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang: 00;

Số cuộc triển khai trong kỳ: 00, số cuộc theo kế hoạch: 00, số cuộc đột xuất: 00.

b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 00;

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 00;

- Phát hiện vi phạm:

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản quy thành tiền được phát hiện có vi phạm;

- Kiến nghị xử lý vi phạm:

+ Xử lý về kinh tế: Thu hồi về ngân sách nhà nước và xử lý khác về kinh tế;

+ Xử lý trách nhiệm: Xử lý hành chính (số tổ chức, cá nhân kết luận kiến nghị kiểm điểm làm rõ trách nhiệm), kiến nghị xử lý hình sự (số vụ, số đối tượng chuyển cơ quan điều tra);

- Kiến nghị hoàn thiện (thêm mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ) cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra.

- Kiến nghị khác (nếu có).

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr)

- Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo (tổng số: 00; trong đó có số kết luận được kiểm tra trực tiếp);

- Tiến độ thực hiện kết luận: Số kết luận đã hoàn thành, số kết luận chưa hoàn thành việc thực hiện;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Về kinh tế, về trách nhiệm (xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra), về hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra.

d) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số G2/QLNN)

- Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc kiểm tra tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: 00;

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 00 (ban hành biên bản).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- + Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: 06 (trong đó kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 3; kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: 03 đơn vị);

- + Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: *Không*;

- + Kiến nghị xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra; kiến nghị xử lý về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): *Không*.

- Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra: *Không*.

- + Tổng số kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm phải thực hiện;

- + Kết quả thực hiện các kiến nghị về trách nhiệm (hành chính, hình sự); về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có).

đ) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực (***chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm***)

- Lĩnh vực Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng (Biểu số 03/TTr):  
*Không.*

- Lĩnh vực Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách (Biểu số 04/TTr):  
*Không.*

- Lĩnh vực Quản lý, sử dụng đất (Biểu số 05/TTr): *Không.*

- Lĩnh vực khác (nếu cần thiết);

- Kết quả thanh tra lại (nếu có): *Không.*

- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): *Không.*

## **2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (Biểu số 06/TTr, 07/TTr)**

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc thực hiện: 68, trong đó tổ chức: 167 cơ sở, cá nhân: 3.252 cơ sở (số cuộc triển khai từ kỳ trước chuyển sang: 00, số cuộc triển khai trong kỳ: 68, số cuộc thường xuyên: 68, theo kế hoạch: 00, đột xuất: 00);

- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu: An toàn thực phẩm, y tế tư nhân;

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 00;

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra (đã ban hành kết luận): 00.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm: 310;

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, hành nghề y dược.

+ Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm: 00; số tiền kiến nghị thu hồi (về ngân sách nhà nước, về tổ chức, đơn vị): 00; số tiền kiến nghị xử lý khác;

+ Về xử lý vi phạm:

Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành: 78 (đối với tổ chức: 12, cá nhân: 66);

Số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 1.033,175 triệu đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó, tổ chức: 36 triệu, cá nhân: 182,375 triệu.

Xử phạt bằng hình khác (số tổ chức, cá nhân): 00; chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng): 00.

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (số tiền vi phạm đã thu hồi; số tiền vi phạm đã xử lý khác): 00;

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: 1.033,175 triệu đồng;

Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác: 00;

- Xử lý hình sự: Số vụ, số đối tượng đã khởi tố: 00.

### **3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)**

- Căn cứ Ngày pháp luật, các đơn vị tổ chức triển khai Luật khiếu nại, Luật tố cáo, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được tổ chức; tổng số người tham gia:

+ Tập huấn: Triển khai văn bản pháp luật, tập huấn nghiệp vụ về tiếp công dân, giải quyết đơn thư, và thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 04/2015/NĐ: 011 lớp/83 người.

+ Tập huấn nghiệp vụ Thanh tra và triển khai kế hoạch kiểm tra y, được tư nhân năm 2023: 01 lớp/27 người.

### **4. Xây dựng lực lượng (chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm – Biểu số 01/QLNN)**

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

1. Đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan):

a) Ưu điểm:

Kế hoạch thanh tra y tế năm 2023 được phê duyệt từ cuối năm 2022 theo quy định; tổ chức thực hiện theo tiến độ được quy định trong kế hoạch.

b) Tồn tại: không

2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

- Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

Công tác ban hành văn bản chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, phòng chống tham nhũng được kịp thời; góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, bộ phận tham mưu có liên quan.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

+ Công tác tập huấn pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo được triển khai ngay từ đầu năm

- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có): *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành:

Thực hiện báo cáo đúng yêu cầu về thời gian, nội dung của cơ quan cấp trên và cơ quan có liên quan.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra

Chấn chỉnh mặt hạn chế trong việc chấp hành pháp luật của các Đơn vị trực thuộc, các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Qua kiểm tra, phát hiện bất cập trong việc thi hành pháp luật để kiến nghị cấp có thẩm quyền.

4. Nguyên nhân của những ưu điểm, của tồn tại, hạn chế, khuyết điểm (chủ quan, khách quan)

5. Bài học kinh nghiệm (*chỉ áp dụng đối với báo cáo hằng năm*)

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) TRONG KỲ TIẾP THEO**

- Giải quyết đơn thư.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế tại các đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân; kiểm tra y tế công lập.

**IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: Không.**

## **Phần 2**

## **BÁO CÁO**

## **CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO**

### **I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỔ CÁO**

#### **1. Tình hình khiếu nại, tố cáo**

Khái quát chung về tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn (tăng, giảm); những yếu tố ảnh hưởng (tình hình kinh tế, chính trị, xã hội).

a) Về khiếu nại; khái quát tình hình khiếu nại, so sánh cùng kỳ năm trước (tăng, giảm) tỉ lệ đơn khiếu nại của từng lĩnh vực:

Không có đơn khiếu nại Quý II năm 2022; cùng kỳ năm trước không ghi nhận đơn khiếu nại.

b) Về tố cáo: khái quát tình hình tố cáo so sánh cùng kỳ năm trước (tăng, giảm), tỷ lệ đơn tố cáo của từng lĩnh vực

00 đơn/Quý II năm 2022, cùng kỳ năm trước không có đơn tố cáo (00 đơn).

#### **2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo**

a) Chủ quan:

Đơn phản ánh, kiến nghị chủ yếu xảy ra trong công tác quản lý của các đơn vị trực thuộc như: Công tác tổ chức - cán bộ, thực hiện chế độ, quản lý chuyên môn; công khai tài chính.

b) Khách quan: Không.

## **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO**

### **1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)**

a) Kết quả tiếp công dân

- Tổng số lượt tiếp: 00;

- Số người được tiếp: 00; số vụ việc (tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần): 00; số đoàn đông người được tiếp (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần): 00 do thanh tra Sở tiếp,... của thủ trưởng (trực tiếp và ủy quyền); của cơ quan, đơn vị tiếp công dân.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

- Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc);

+ Khiếu nại: 00;

+ Tố cáo: 00;

+ Phản ánh, kiến nghị: 00.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết;

+ Thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): số đơn: 00;

+ Không thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): số đơn: 00.

## **2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)**

a) Tổng số đơn: 09; kỳ trước chuyển sang: 02, tiếp nhận trong kỳ: 07.

- Số đơn đã xử lý: 03.

- Số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: 09.

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn: 01, số vụ việc khiếu nại: 01;

+ Số đơn: 00, số vụ việc tố cáo: 00;

+ Số đơn: 08, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 08;

- Phân loại theo tình trạng giải quyết 03;

+ Số đơn: 01, số vụ việc đang giải quyết: 01;

+ Số đơn: 00, số vụ việc chưa giải quyết: 00.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn: 04, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 04;

- Số đơn: 05, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 05.

## **3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)**

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn: 01, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn: 01, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: 100%.

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra: 00.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: Đúng quy định.

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: *Không*.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn: 00, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn: 00/00, vụ việc phải giải quyết: 00; tỷ lệ giải quyết: 00%;

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm: 00;

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: *Không phát sinh.*

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm,...: *Không phát sinh.*

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (nếu có)

- Tổng số đơn: 04;

- Tổng số vụ việc: 04, nội dung kiến nghị, phản ánh số vụ việc/nội dung đã giải quyết: 03/04;

- Đang giải quyết: 01 đơn.

#### **4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)**

- Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo): 00;

- Trong đó: Số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm.

#### **5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo**

*(Chỉ áp dụng đối với Báo cáo chuyên đề về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đối với báo cáo định kỳ thì nội dung này được thể hiện tổng hợp trong phần quản lý nhà nước tại Mẫu số 01: Đề cương về nội dung công tác thanh tra)*

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Ưu điểm**

- Sự chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Qua kết quả giải quyết đơn thư, phổ biến, triển khai rút kinh nghiệm cho toàn ngành.

- Công tác tuyên truyền được triển khai thường xuyên, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của đơn vị.

- Quản lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân được thực hiện trên phần mềm, thuận lợi trong việc truy xuất.

- Tiếp nhận, xử lý nhanh thông tin phản ánh qua hệ thống Đường dây nóng của tỉnh, Bộ Y tế.

**2. Tồn tại, hạn chế:** Vẫn còn xảy ra đơn phản ánh.

#### **3. Nguyên nhân**

Thiếu công khai trong hoạt động của đơn vị, đặc biệt các nội dung liên



quan tài chính hoặc công khai không đầy đủ. Thực hiện không đúng chế độ, chính sách, công tác tổ chức - cán bộ; quản lý chuyên môn còn thiếu sót.

#### **IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới là do thiếu công khai hoặc công khai hoạt động của đơn vị không đầy đủ; không thực hiện đúng quy định, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO**

##### **1/ Công tác tiếp công dân:**

- Duy trì tiếp công dân của Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị.
- Tăng cường công tác tiếp công dân ngay tại cơ sở, tập trung các khoa phòng tiếp xúc trực tiếp với người bệnh, thân nhân. Phát huy Đường dây nóng tại các cơ sở y tế. Giải quyết kịp thời những vướng mắc, bức xúc của người dân và của cán bộ, nhân viên y tế nhằm hạn chế thấp nhất đơn thư.

##### **2/ Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:**

- Tổ chức tuyên truyền cho CCVC về pháp luật khiếu nại, tố cáo. Nâng cao ý thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế.
- Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Tăng cường đối thoại, giải thích với công dân.

#### **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.**

### **Phần 3**

## **BÁO CÁO**

### **CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ; chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến

ngiht cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

Sở Y tế không có cơ quan chuyên trách; công tác phòng, chống tham nhũng được giao cho Thanh tra Sở.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Thông qua Ngày pháp luật, các đơn vị tổ chức tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng qua hình thức tuyên truyền trực tiếp.

## **2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

Sở Y tế đã tổ chức và chỉ đạo các đơn vị thực hiện:

- Niêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của đơn vị.

- Công khai các tiêu chuẩn tuyển dụng, nâng bậc lương trước thời hạn, các tiêu chí xét thi đua khen thưởng, các điều kiện để CB, CC, VC được đào tạo, đào tạo lại,...

- Công khai việc đấu thầu cung ứng thuốc, mua sắm tài sản, trang thiết bị của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; xây dựng định mức sử dụng văn phòng phẩm, nhiên liệu,...phù hợp với từng khoa phòng, tổ, đội.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Định mức, tiêu chuẩn, chế độ được xây dựng trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Y tế và 21 đơn vị trực thuộc (thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức).

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

Không phát hiện hành vi vi phạm của người có chức vụ, quyền hạn trong thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

- Đến nay toàn ngành đã có 181 thủ tục hành chính thuộc 16 lĩnh vực, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở, địa chỉ <http://soyte.baria-vungtau.gov.vn/>. Thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 gồm 126 thủ tục, gồm: 50 thủ tục hành chính mức độ 3 và 76 thủ tục hành

chính mức độ 4 thuộc các lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh, Dược phẩm, Mỹ phẩm, Trang thiết bị y tế, Tổ chức cán bộ, Đào tạo, nghiên cứu khoa học và Công nghệ môi trường, Y tế dự phòng, Giám định Y khoa, Quản lý môi trường y tế, An toàn thực phẩm.

- Hiện tại, Sở Y tế và 21 đơn vị trực thuộc đều trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động qua tài khoản.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn năm 2022.

\* kê khai tài sản, thu nhập:

- Số cơ quan, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai, tài sản thu nhập: 21/21 đơn vị, chiếm tỉ lệ 100%.

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm: 272.

\* Kết quả công khai:

- Số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai theo hình thức niêm yết là 21/21 đơn vị, chiếm tỷ lệ 100%.

- Số đơn vị thực hiện công bố bản kê khai, thu nhập của cá nhân tại cuộc họp là 0/21 đơn vị;

- Số đơn vị chưa thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai chậm so với thời gian quy định: 00.

- Số bản kê khai được công khai: 272, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số bản kê khai, trong đó:

+ Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp: 0/272;

+ Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết: 272/272, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số bản đã công khai.

- Không có đơn thư phản ánh, tố cáo về kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...);

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

**4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:** *Không thuộc thẩm quyền.*

**5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng:** *Không thuộc thẩm quyền.*

**6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng:** *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG** (*Báo cáo hằng Quý không phải báo cáo mục này*)

### **1. Đánh giá tình hình**

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân

Hệ thống văn bản pháp luật đấu thầu ngày càng chặt chẽ, dịch vụ công mức độ 3, 4 ngày càng tăng; hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên nên không phát hiện hành vi tham nhũng.

b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Cùng kỳ năm trước không phát hiện tham nhũng. Hiện tại không phát hiện hành vi tham nhũng.

## **2. Dự báo tình hình tham nhũng**

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...)

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng:

Lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng: Công tác mua sắm thiết bị y tế, vật tư y tế.

Giải pháp phòng ngừa: Thực hiện đúng quy trình mua sắm. Tổ chức kiểm tra, giám sát.

## **III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương:

Công tác phòng tham nhũng được chú trọng, các giải pháp, biện pháp phòng ngừa được triển khai đồng bộ nên công tác PCTN đạt được kết quả khả quan.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

Nhận thức của cán bộ, nhân viên ngày càng cao, đặt biệt là người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng. Công tác phòng ngừa tham nhũng được đẩy mạnh. Giám sát của nhân viên trong hoạt động của cơ quan, đơn vị ngày càng rõ nét.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng:

Các biện pháp phòng ngừa được triển khai đồng bộ, như: Công tác mua sắm thuốc vật tư y tế, trang thiết bị y tế thực hiện đúng quy định; Công tác cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh, số thủ tục hành chính dịch vụ công mức độ 3, 4 ngày càng tăng; Kiểm soát tài sản thu nhập ngày càng chặt chẽ,...

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng: Không.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp**

a) Phương hướng chung trong thời gian tới:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác PCTN thông qua việc tăng cường tuyên truyền các quy phạm pháp luật về PCTN.

- Tập trung công tác phòng ngừa tham nhũng.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện:

Kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị trực thuộc.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế.

**2. Kiến nghị, đề xuất:** Không.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý II năm 2023 của Sở Y tế./.

*(Đính kèm biểu thống kê số: 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr, 06/TTr, 07/TTr, 01/TCD, 02/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN, 01/QLNHN, 02/QLNN, 03/QLNN).*

**Nơi nhận :**

- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Các P.Giám đốc SYT ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc (th/h);
- Các Phòng CM SYT (th/h);
- Lưu: VT, Ttra.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Minh An**